

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC X- VĨNH LONG Độc lập -Tự do -Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 06/2026/HS-ST

Ngày: 02-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- VĨNH LONG- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn B;

Bà Lê Thị Cúc H.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn T1** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Thái Thị T2** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2026/TLST-HS ngày 09-01-2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HS ngày 20-01-2026 đối với bị cáo: **Ngô Văn H1**; Giới tính: Nam, sinh ngày 04/10/1997, tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Ngô Minh T3, sinh năm: 1975; Họ và tên mẹ: Mai Thị D, sinh năm: 1978; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1999; Con ruột: 01 người, sinh năm 2016; Anh, chị, em ruột: Không có; Tiền sự: Không có.

Tiền án: 01 tiền án (Bản án số: 38/2022/HS-ST, ngày 27/7/2022 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Trà Vinh xét xử 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2024).

Bị cáo Ngô Văn H1 bị tạm giữ từ ngày 26/11/2025 đến ngày 29/11/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam A, Trại Tạm giam số 3, Công an tỉnh Vĩnh Long (Bị cáo có mặt tại phiên tòa);

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp R,

xã T, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 24/11/2025, bị cáo Ngô Văn H1 một mình đi bộ từ nhà theo đường lộ đá đang thi công thuộc ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long về hướng ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long để đến nhà bạn chơi. Khi đi ngang nhà bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966, cư trú cùng ấp, bị cáo thấy trong khuôn viên hàng lang nhà bà H2 có dựng 01 (một) chiếc xe mô tô, loại Wave, màu đỏ, nhãn hiệu SUFAT, biển số 64K4-4658 không người trông giữ nên lấy trộm nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, bị cáo đi đến khu vực hàng rào lưới B40 thì có lỗi vào không khóa cửa, bị cáo đi đến chiếc xe mô tô quan sát xung quanh không người trông coi, trên xe không có chìa khóa nên bị cáo dùng tay bứt dây ổ khóa xe, bẻ gãy biển số xe để lên trên бага phía trước và dẫn xe một đoạn khoảng 05 mét rồi đạp xe nổ máy chạy về hướng ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Khi đi được khoảng 01 km (không xác định được địa điểm) thì xe tắt máy, bị cáo dừng lại bẻ gãy kính chiếu hậu bên tay trái ném bỏ bên lề đường và khởi động lại xe điều khiển đến nhà ông Nguyễn Văn V1, sinh ngày 01/01/1981, cư trú ấp T6, xã H3, tỉnh Vĩnh Long. Trên đường đi đến đoạn đường vắng thuộc xã V, tỉnh Vĩnh Long (qua chợ H4 khoảng 01 km), bị cáo vừa điều khiển xe vừa lấy biển số xe mô tô trên бага phía trước ném bỏ vào bụi cây bên lề phải theo hướng đi rồi tiếp tục điều khiển xe đến nhà ông V1. Khoảng 03 giờ ngày 25/11/2025, bị cáo điều khiển xe đến nhà ông V1 thì không thấy ông V1 ở nhà, bị cáo lấy tua vít tháo yếm chắn bùn hai bên phía trước bỏ vào khay nhựa ở trước chuồng gà nhà ông V1 rồi nằm võng ngủ.

Đến khoảng 05 giờ, ngày 25/11/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô chạy đến nhà người bạn tên Nguyễn Văn C1, sinh năm 1986, cư trú ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long chơi. Tại đây, bị cáo nói chuyện với C1 một lúc thì C1 đi công việc, bị cáo thấy trong nhà C1 có sẵn chai sơn xịt màu đen nên lấy xịt lên ốp 02 bánh xe nhằm thay đổi đặc điểm nhận dạng để không ai phát hiện rồi bị cáo ngủ tại nhà C1. Tại thời điểm này, bà H2 phát hiện bị mất trộm xe mô tô nên trình báo cơ quan Công an.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, do sợ bị phát hiện sự việc nên bị cáo điều khiển xe mô tô đến khu vực lộ đá cách nhà bà Nguyễn Thị H2 khoảng 20 mét trả lại rồi đi bộ về nhà. Sau đó, bà H2 phát hiện xe của mình nên giao nộp xe mô tô cho Cơ quan Công an.

Đến ngày 26/11/2025, bị cáo biết Công an xã T đang xác minh vụ việc, sợ bị phát hiện sẽ bị xử lý nặng về hành vi trộm cắp tài sản do từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản nên bị cáo tự đến Công an xã T, tỉnh Vĩnh Long tự thú, thừa nhận hành vi vi phạm của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã T kết luận: 01 (một) xe

mô tô, màu đỏ, nhãn hiệu SUFAT, có giá trị tại thời điểm định giá là 2.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn H1 khai đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Phân tranh luận: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, 5 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s, r khoản 1 Điều 51, 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn H1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 26/11/2025.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Ngô Văn H1 số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H2 đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo H1 bồi thường gì khác nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu như sau: Trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUFAT, màu đỏ, số máy 50FMH-061567, số khung 033PJ-061567, không biển số và 02 yếm chắn bùn, đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị H2. Do đó, về vật chứng, đồ vật đã xử lý xong nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Đối với bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Văn T5 có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của bà H2 và ông T5 không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người, người làm chứng, hiện trường vụ án và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Ngô Văn H1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại bà Nguyễn Thị H2 01 (một) xe mô tô, màu đỏ, nhãn hiệu SUFAT, có giá trị tại thời điểm định giá là 2.400.000 đồng đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long đã truy tố đối với bị cáo ra trước tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để có tiền tiêu xài. Bị cáo có nhân thân xấu đã hai lần trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy việc xử lý nghiêm bị cáo là cần thiết, nhằm đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên cũng xét, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện trả lại tài sản cho người bị hại và tự thú hành vi phạm tội của mình, đây cũng là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng vào ngày 27/7/2022 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Vĩnh Long xét xử 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2024, nhưng chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, nên lần phạm tội này, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú về hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở được quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với Nguyễn Văn V1 và Nguyễn Văn Ch không biết bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Hà nên không có cơ sở xử lý;

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại bà Nguyễn Thị H2 đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không xem xét.

[9] về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu như sau: Trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SUFAT, màu đỏ, số máy 50FMH-061567, số khung 033PJ-061567, không biển số và 02 yếm chắn bùn, đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị H2. Do đó, về vật chứng, đồ vật đã xử lý xong nên không xem xét.

[10] Về án phí: Xét thấy, cần buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s, r khoản 1 Điều 51 và các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 26/11/2025.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Ngô Văn H1 số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng xong nên không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị H2 không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Văn H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- CQCSĐT Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực X- Vĩnh Long;
- Phòng THAKV X- Vĩnh Long;
- Phân trại tạm giam A
thuộc Trại tạm giam số 3;
Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm